

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2020/HS-ST
Ngày 08/7/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khánh Hồng

Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải; ông Vi Tuấn Dũng và bà Phan Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Duân, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2020/TLHS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo: **Bùi Xuân H;** (*Tên gọi khác: Không*); Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1956 tại Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 2, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: hưu trí; Trình độ văn hóa: Lớp 10/10; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Xuân Đ, (đã chết); Con bà: Phạm Thị T, sinh năm: 1930; có vợ cả là Vũ Thị L, sinh năm 1956, (đã ly hôn năm 2013), có 2 con chung với bà L; vợ hai: Nguyễn Thị Giang N, sinh năm 1973; có 2 con chung với bà N; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 158/2020/HS – ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 12 tháng tù về tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” (Bản án đã có hiệu lực pháp luật); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/9/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

**** Những người bào chữa cho bị cáo:***

1. Ông Phan Đức H2, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư QT - Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; (do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên cử, có mặt).

2. Ông Đào Trung K, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH CLTD - Đoàn luật sư thành phố HN; (do gia đình bị cáo mời, có mặt).

3. Ông Lê Quang N, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư AT - Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên; (do gia đình bị cáo mời, có mặt).

**** Những người bị hại:***

1. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1959 (Đã chết).

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955 (đã chết).
3. Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1981; HKTT: Tổ 20 phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Tổ 14 (nay là tổ 6) Phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt).
 - *Người đại diện hợp pháp của bị hại (Bà Bùi Thị H1) gồm có:*
 1. Cụ Phạm Thị T, sinh năm 1930; Trú tại: tổ 8 phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (là mẹ đẻ bà H1, vắng mặt).
 2. Chị Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1983: Trú tại tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (là con bà H1, có mặt).
 3. Chị Nguyễn Thị Phương H3, sinh năm 1986: Trú tại tổ 10 (nay là tổ 6), phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (là con bà H1, có mặt).
 - * Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Phương H3 (do chị H3 mời): Ông Nguyễn Công G – là Luật sư Văn phòng Luật sư DTG và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)
 - *Người đại diện hợp pháp của bị hại (ông Nguyễn Văn T1) gồm có:*
 1. Chị Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1983: Trú tại tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (là con ông T1, có mặt).
 2. Chị Nguyễn Thị Phương H3, sinh năm 1986: Trú tại tổ 10 (nay là tổ 6), phường ĐQ, thành phố TN (là con ông T1, có mặt).
 - * *Người đại diện theo ủy quyền cho đại diện hợp pháp của người bị hại và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
 1. Ông Nguyễn Thế C (tức Nguyễn Văn C), sinh năm 1956; Trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (là em ông T1; do chị H3 và chị T2 ủy quyền; có mặt).
 - * *Người đại diện theo ủy quyền cho đại diện hợp pháp của người bị hại:*
 1. Ông Bùi Xuân H4, sinh năm 1960; Trú tại tổ 6 phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. (do cụ Phạm Thị T ủy quyền, có mặt)
 - * *Người làm chứng:*
 1. Chị Thân Thị Diệu Q, sinh năm 1992; Trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (Có mặt).
 2. Chị Trần Đoàn Thùy L1, sinh năm 1990; trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (Vắng mặt).
 3. Anh Đinh Tiến K, sinh năm 1988; trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (Vắng mặt).
 4. Ông Trần Quốc V1, sinh năm 1949; trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (Vắng mặt).
 5. Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1942; trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (Có mặt).
 6. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1967; trú tại: tổ 14 (nay là tổ 6), phường CH, thành phố TN (Có mặt).
 7. Bà Nguyễn Thị Giang N (tức Nguyễn Hồng N1), sinh năm 1973; trú tại: Tổ 2, phường TĐ, thành phố TN (Có mặt).

8. Chị Bùi Phương H5, sinh năm 1998, trú tại: Tổ 2, phường TĐ, Thành phố TN (Có mặt).

9. Anh Bùi Trung K1, sinh năm 1989; Trú tại: Xóm ĐT, xã HT, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Xuân H và bà Bùi Thị H1; Sinh năm 1959;Trú tại tổ 14, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là hai anh em ruột. Khoảng đầu năm 2015 đến năm 2017 bà Bùi Thị H1 cùng con gái và con rể là chị Nguyễn Thị Phương T2 và anh Nguyễn Thành V đã nhiều lần vay tiền của Bùi Xuân H, với tổng số tiền là khoảng 3.200.000.000đ (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng). Đến khoảng cuối năm 2017, Bùi Xuân H đã nhiều lần tìm gặp bà H1, anh V, chị T2 để đòi lại số tiền trên nhưng không đòi được, do anh V, chị T2 nói là làm ăn thua lỗ, chưa có khả năng trả nợ. Thời gian tiếp theo (từ cuối năm 2017 đến đầu tháng 9/2019), H đã nhiều lần tìm gặp anh V, chị T2 để đòi nợ nhưng đều bị anh V, chị T2 khất nợ. Vì vậy dẫn đến hoàn cảnh kinh tế của gia đình H gặp khó khăn, đồng thời có suy nghĩ mình bị lừa đảo chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà H đã gom góp được trong quá trình công tác để cho gia đình và khi về hưu hưởng thụ.... nhưng đã bị chiếm đoạt hết, đẩy gia đình bị cáo H xuống vực thẳm. Với những suy nghĩ tiêu cực như vậy H nảy sinh ý định chuẩn bị hung khí, vũ khí để đến nhà bà H1 đòi nợ anh V, chị T2 nếu anh V, chị T2 không trả nợ thì H sẽ giết anh V, chị T2 rồi tự sát.

Khoảng 14 giờ ngày 14/9/2019 Bùi Xuân H từ nhà mình thuộc tổ 02, phường TĐ, thành phố TN thuê xe Taxi đi đến nhà bà H1 (ở tổ 14, phường CH, thành phố TN) để kiểm tra xem vợ chồng anh V, chị T2 có ở nhà bà H1 hay không, khi đến chân dốc cách nhà bà H1 khoảng 40m, H nhìn thấy xe ô tô KIA Morning;BKS: 20A- 25478 (là xe của anh V, chị T2) đang đỗ ở trước cổng nhà bà H1 nên H đoán chắc chắn vợ chồng anh V, chị T2 đang ở trong nhà bà H1, do vậy H đã bảo lái xe Taxi đưa H quay về nhà H (mục đích là để lấy hung khí, vũ khí quay sang nhà bà H1 đòi nợ, nếu anh V, chị T2 không trả nợ thì H sẽ giết vợ chồng anh V, chị T2 rồi tự sát).

Khoảng 17 giờ cùng ngày, Bùi Xuân H điều khiển xe đạp, mang theo: 01 (một) chai xăng (loại có dung tích 1,5 lít) để ở giỏ xe đạp; 01 (một) con dao nhọn (dạng dao gấp dài 25cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13cm, rộng 03cm, lưỡi sắc một bên, nhọn ở phần đầu mũi) để trong túi quần bên phải; 01 (một) bật lửa gas màu đỏ nhãn hiệu “Thống Nhất” để trong túi áo đang mặc trước ngực;01 (một) khẩu súng quân dụng Carbine số hiệu 3442952 cưa báng (bên trong có một viên đạn đã lên nòng và hai viên đạn chưa lên nòng), 01 (một) con dao (loại dao nhọn, có một lưỡi sắc, dao có chiều dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, bao dao bằng gỗ có kích thước 33,5cm x 07cm), 01 (một) chai xăng (loại có dung tích 0,5lít),01 (một) khăn kẻ caro màu xanh trắng (kích thước khăn 01m20 x 50cm), 01(một) mũ vải màu xanh, 01 (một) lọ thuốc SuLim, 01 (một) kim tiêm và xi lanh, 01 (một) vỏ kính màu đen, bên trong có một kính màu đen, 01 (một) gói lương khô được để trong túi đựng vợt cầu lông đeo trên người đi

đến nhà bà Bùi Thị H1. Khi đến chân dốc nhà bà H1, H quan sát không thấy xe ô tô của vợ chồng anh V, chị T2 để ở trước cửa nhà bà H1, nên H đoán anh V, chị T2 không có trong nhà. Do vậy H đã đạp xe ra gần đường tròn CH, thành phố TN ngồi đợi vợ chồng anh V, chị T2 về. Khoảng 10 phút sau H đi xe đạp quay lại nhà bà H1 thì thấy xe ô tô của vợ chồng anh V, chị T2 đang đỗ trước cửa nhà bà H1, đoán chắc chắn vợ chồng anh V, chị T2 đang ở trong nhà bà H1 nên H dựng xe đạp ở sân nhà bà H1 rồi đeo bao vọt cầu lông trên vai đi thẳng vào trong nhà thì gặp bà H1 và ông Nguyễn Văn T1 (chồng của bà H1) đang ngồi uống nước ở phòng khách; cùng lúc này H nhìn thấy anh Nguyễn Thành V đang ngồi ăn cơm ở gian bếp phía trong nên H nói với ông T1, bà H1 là “Để tao vào tao hỏi nó xem bao giờ nó trả tiền tao”, sau đó H đi thẳng vào trong bếp (lúc này H vẫn đội mũ cối, đeo khẩu trang, trên lưng đeo bao vọt cầu lông đựng vũ khí, hung khí), khi cách anh V khoảng 50cm thì H nói với anh V “ Bao giờ mày trả tiền tao, mày lừa tao đến bao giờ” anh V đứng dậy không nói gì, lúc này bà H1 đi đến và nói “Bác cứ bình tĩnh”. Thấy anh V không nói gì, H càng bức xúc nên đã đưa tay phải xuống rút con dao nhọn (dạng dao gấp) từ trong túi quần bên phải ra bật chốt làm mũi dao nhọn bật ra rồi đâm liên tiếp 06 (sáu) nhát trúng vào phần ngực, tay và hông của anh V, bị đâm anh V dơ tay để đỡ. Thấy vậy, bà H1, ông T1 đứng ở phía sau kéo giật ngã ngửa H ra nền nhà làm mũ cối H đang đội trên đầu và bao vọt mà H đang đeo trên vai bật rơi ra nền nhà. Cùng lúc này bà H1 (đứng ở phía bên tay trái của H) cúi người xuống giữ chặt cánh tay trái của H, còn ông T1 (đứng phía trên, gần bả vai trái của H) cúi người xuống dùng hai tay bóp vào cổ H, bị khống chế H nghiêng người sang bên trái, tay phải cầm dao nhọn đâm liên tiếp 03 nhát trúng vào ngực, nách và mạng sườn của ông T1, khiến ông T1 bỏ tay ra khỏi cổ H; tiếp đó H dơ dao đâm 01 nhát trúng vào ngực trái bà H1 khiến bà H1 buông tay ra khỏi cánh tay trái của H, tiếp đó H chống tay để vùng dậy nhưng do trên tay có máu nên tay H bị trượt theo nền nhà do đó tay phải cầm dao của H đã vung mạnh về phía trước làm con dao tuột ra khỏi tay và rơi về phía trước. Lúc này H đi tìm bao vọt cầu lông để lấy khẩu súng carbine thì bị ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1956 (em trai ông T1) trú tại tổ 14, phường CH, thành phố TN và quần chúng nhân dân đến khống chế, bắt giữ, dẫn giải H đến Cơ quan Công an.

Bà Bùi Thị H1 được gia đình và người dân đưa đi cấp cứu nhưng đã tử vong; ông Nguyễn Văn T1 tử vong ngày 17/9/2019 tại bệnh viện BM, thành phố HN sau cấp cứu; anh Nguyễn Thành V bị thương tích được đưa đi cấp cứu, điều trị đến ngày 30/9/2019 được ra viện.

* Cơ quan CSĐT đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án là tại nhà riêng của bà Bùi Thị H1, thuộc tổ 14, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Phía Đông Nam tiếp giáp với gia đình ông Phạm Đức Đ; Phía Tây Nam tiếp giáp với gia đình anh Đặng Khắc D; Phía Đông Bắc tiếp giáp với gia đình ông Nguyễn Đức T3 và đường vào khu dân cư, nhà anh Nguyễn Văn Đ3; Phía Tây Bắc, cách hiện trường 10m là nhà riêng của chị Phạm Thị T và đường dân sinh hướng ra đường Quốc lộ 1B.

Quá trình khám nghiệm đã đánh số, đo đạc, phát hiện, thu giữ các dấu vết, đồ vật tại hiện trường như sau:

+ Vị trí số 01: trên mặt nền sân cách cửa chính nhà bà H1 70cm, cách bờ tường rào phía Tây Nam 3,3m phát hiện nhiều dấu vết máu nhỏ giọt trong diện tích thước 02m20 x 90cm. Cách vị trí số 01 về phía Đông Bắc 2,2m và cách cửa nhà anh T 1,9m phát hiện 01 (một) khẩu trang màu đen kiểu dạng khẩu trang hoạt tính, phần dây đeo ở hai bên đều bị rách đứt một đầu;

+ Vị trí số 02: ở phía trước cửa nhà (nơi có nhiều đôi dép với nhiều màu sắc và kích thước khác nhau), cách mép cửa nhà 26cm phát hiện 01 (một) vết máu đọng nhỏ giọt có kích thước 20cm x 30cm bám dính trên nền sân và bám dính trên đôi dép lê màu đen;

+ Vị trí số 03: ở cửa ra vào của phòng khách, cách mép cửa bên phải (theo hướng từ ngoài vào trong) 20cm có vết máu chảy đọng kích thước 35cm x 28cm, xung quanh có nhiều vết máu nhỏ giọt, rải rác trong diện tích thước 01m x 84cm;

+ Vị trí số 04: ở góc tường phía Tây Nam, cách tường phía Tây Bắc 57cm, cách tường nhà phía Tây Nam 94cm phát hiện 01 bao vớ cầu lông màu xanh in dòng chữ: PRCACE, ENGLAND, phía dưới bao vớ có nhiều vết máu nhỏ giọt trong diện tích thước 84cm x 65cm. Kiểm tra phát hiện thấy bên trong bao vớ có: 01 (một) súng dài 65cm có dây đeo, bằng súng bằng gỗ, súng có số hiệu 3442952 (phần nòng súng dài 23cm, tại ổ súng có một viên đạn đã được lên nòng, trong hộp tiếp đạn có hai viên đạn); 01 (một) con dao (loại dao nhọn, có một lưỡi sắc dựng trong bao gỗ, dao có chiều dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, bao dao bằng gỗ có kích thước 33,5cm x 07cm); 01 (một) chai nhựa màu trắng dung tích 0,5 lít chứa đầy dung dịch màu xanh; 01 (một) khăn kẻ caro màu xanh trắng, kích thước 01m20 x 50cm; 01 (một) mũ vải màu xanh; 01 (một) gói lương khô; 01 (một) kim tiêm; 01 (một) hộp thuốc nhãn hiệu Sulim, trong có một lọ thủy tinh chứa dung dịch màu trắng, đóng nắp chưa sử dụng; 01 (một) bao kính thuốc, trong có một kính màu đen...;

+ Vị trí số 05: Tại giữa phòng khách, trên nền nhà phát hiện nhiều vết máu nhỏ giọt rải rác trong diện tích thước 01m91 x 01m20;

+ Vị trí số 06: Tại ghế gỗ đơn tiếp giáp vị trí số 4 vào phía trong trên lót ghế giả da phát hiện có vết máu chảy đọng trong diện tích thước 40cm x 28cm;

+ Vị trí số 07: ở trên nền nhà, tiếp giáp chân ghế gỗ vị trí số 06 phát hiện thấy 01 (một) mũ cối màu xanh nằm nghiêng; bên trong mũ có 01 con dao, dạng dao gập có tổng chiều dài 25cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13cm, rộng 03cm, lưỡi sắc một bên, nhọn ở phần đầu mũi, trên dao có bám dính nhiều dấu vết máu. Trong mũ cối, phần thành mũ và đỉnh mũ có bám dính máu, phía dưới mũ và phần nền nhà phía dưới mũ có vết máu đọng, nhỏ giọt trong diện tích thước 32cm x 43cm;

+ Vị trí số 08: ở trên nền nhà từ phòng khách vào khu bếp phát hiện có nhiều vết máu nhỏ giọt rải rác;

+ Vị trí số 09: ở khu vực sân trước cửa nhà bà H1, cách vị trí số 01 về phía Tây Nam 01m, cách cổng ra vào 01m35 có 01 (một) xe đạp màu trắng dựng chân chống, trên thân xe có dán chữ ASAMA, đầu xe hướng vào phía trong nhà bà H1. Tại giỏ xe phát hiện thấy một túi li nông màu trắng đựng 01 (một) chai nhựa màu xanh dung tích 1,5 lít có chứa đầy dung dịch màu xanh;

Ngoài ra, tại mặt đường dân sinh phía trước cổng ra vào của nhà anh T và tại bờ rào nhà chị Yến phát hiện thấy hai mắt kính màu trắng và một gọng kính bằng kim loại không có mắt kính, xung quanh có nhiều vết máu nhỏ giọt, rải rác.

* Khám nghiệm tử thi Bùi Thị H1 xác định:

- Khám nghiệm bên ngoài:

+ Hai lỗ mũi có máu chảy ra;

+ Vùng giữa ngực cách trên mũi ức 4,5cm có vết rách thủng da cơ bờ mép sắc gọn sâu thấu vào trong khoang ngực có kích thước 2,8cm x 1,5cm. Vết thủng nằm dọc theo cơ thể, góc tù ở trên, góc nhọn ở dưới, có chiều hướng từ trước ra sau từ trên xuống dưới và từ trái qua phải;

+ Toàn bộ vùng đầu, mặt, cổ, toàn thân không phát hiện dấu vết gì khác. Hệ thống xương khớp không bị sai gãy rạn vỡ.

- Mở tử thi và xem xét thấy:

+ Đứt sụn sườn số 05 bên phải dài 03cm;

+ Trong khoang ngực trái và phải chứa đầy máu không đông;

+ Phổi bên phải xẹp, thùy trên phổi phải có vết rách dài 02cm;

+ Màng bao tim có vết rách dài 2,5cm;

+ Mặt trước tâm nhĩ phải có vết rách thủng dài 2,2cm;

+ Vết rách thủng vùng ngực làm đứt sụn sườn số 05 bên phải, rách thùy trên phổi phải, rách màng bao tim, rách thủng tâm nhĩ phải.

+ Dạ dày có thức ăn đang tiêu hóa.

* Khám nghiệm tử thi Nguyễn Văn T1 xác định:

- Khám nghiệm bên ngoài:

+ Da niêm mạc nhợt nhạt, vùng đầu, mặt không có dấu vết gì;

+ Vùng cổ bên trái có vết rách da dài 0,8cm được khâu bằng một mũi chỉ (vết số 01);

+ Vùng ngực trái, cách dưới núm vú trái 03cm, có vết rách da cơ dài 02cm bờ mép sắc gọn, góc trên tù, góc dưới nhọn, sâu 2,5cm, có chiều hướng từ trước ra sau, từ phải sang trái (vết số 2);

+ Vùng mũi ức, cách dưới mũi ức 03cm có vết thủng da cơ bờ mép sắc gọn, kích thước 0,5cm x 0,3cm, sâu 1,5cm (vết số 3);

+ Vùng sườn bên trái, trên đường nách giữa, cách dưới hõm nách 12cm có vết rách thủng da cơ bờ mép sắc gọn, góc trên tù, góc dưới nhọn kích thước 02cm x 0,9cm, sâu thấu vào trong, có chiều hướng từ trái sang phải (vết số 4);

+ Vùng bụng bên trái cách dưới núm vú trái 14cm có vết rách thủng da cơ bờ mép sắc gọn, góc dưới nhọn, góc phía trên tù, dài 2,8cm, được khâu bằng một mũi chỉ, sâu thấu vào trong, có chiều hướng từ trái sang phải, từ dưới lên trên, từ trước ra sau (vết số 5);

+ Vùng bụng trên và dưới rốn có vết mổ cấp cứu dài 26,5cm, được khâu kín bằng 23 mũi chỉ (vết số 6);

+ Vùng bụng bên trái có vết rách thủng da cơ, kích thước 1,5cm x 01cm (vết số 7);

+ Vùng bụng bên phải có vết rách thủng da cơ, kích thước 1,5cm x 0,7cm (vết số 8);

+ Sườn bên phải có một số vết xây sát da rải rác;

- + Ngoài ra bên ngoài không có dấu vết gì khác.
- Mở tử thi và xem xét thấy:
- + Trong khoang ngực bên trái có nhiều máu không đông lẫn máu đông;
- + Trong ổ bụng có nhiều máu không đông lẫn máu đông;
- + Mặt trước dạ dày có vết rách dài 06cm, đã được khâu kín, trong dạ dày có nhiều máu không đông;
- + Ruột non có vết rách dài 1,5cm đã được khâu kín;
- + Vết số 4 đi qua khoang liên sườn 9, 10 bên trái làm rách thủng cơ hoành bên trái vào ổ bụng;
- + Lách bị cắt, khâu kín cầm máu.

* Đối với thương tích anh Nguyễn Thành V:

Tại Bệnh án cấp cứu số lưu trữ: CC 190389 ngày 30/9/2019 của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên xác nhận bệnh nhân Nguyễn Thành V có các thương tích sau:

- + 01 (Một) vết thương ngón tay cái kích thước 03cm;
- + 01 (Một) vết thương ô mô cái kích thước 6cm;
- + 01 (Một) vết thương hông trái dài 4cm;
- + 01 (Một) vết thương khoang liên sườn 5,6 điểm giữa đòn trái dài 4cm;
- + 01 (Một) vết thương vai trái kích thước 2cm;
- + 01 (Một) vết thương ngực trái khoang liên sườn 2,3 đường giữa đòn trái kích thước 3cm;
- + 01 (Một) vết thương mặt trước cánh tay (T) 6cm
- + 01 (Một) vết thương giữa mặt trước ngoài cẳng tay trái 6cm.

* Kết quả xem xét dấu vết trên thân thể của Bùi Xuân H:

- 01 (một) vết rách da lòng bàn tay phải dài 02 cm.
- 01 (một) vết rách da ngang khớp đốt 1-2 ngón 2 (ngón trỏ) phía mu bàn tay phải dài 02 cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 1361/KL-KTHS ngày 10/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

Bùi Thị H1 bị đâm thấu ngực làm rách phổi phải, thủng tâm nhĩ phải gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 1374/KL-KTHS ngày 17/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

Nguyễn Văn T1 bị đâm thấu ngực, bụng làm rách thủng cơ hoành, đứt cực trên lách, thủng dạ dày, thủng ruột non, đứt mạch mạc treo ruột gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp không thể hồi phục dẫn đến chết.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 529/TgT ngày 08/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên đối với Nguyễn Thành V, kết luận:

+ Dấu hiệu chính qua giám định: Tồn thương màng phổi (T), hiện tại có nhiều sẹo vết thương phần mềm KT nhỏ;

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm) Áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

- Tại bản kết luận giám định số 5526/C09- P4, ngày 01/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Kết luận: Chất lỏng đựng trong 01 (một) chai

nhựa có dung tích 0,5 lít (**ký hiệu X1**) và 01 (một) chai nhựa có dung tích 1,5 lít (**ký hiệu X2**) gửi giám định đều là xăng. Xăng là chất dễ gây cháy.

Tại Bản kết luận giám định số 5544/C09-P3, ngày 02/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Kết luận: Khẩu súng có số 3442952 ký hiệu S1 gửi giám định là súng Carbine, thuộc vũ khí quân dụng; 03 (ba) viên đạn ký hiệu mẫu Đ3 gửi giám định là đạn cỡ (7,62x32,5)mm, thuộc vũ khí quân dụng;

Tại bản kết luận giám định số 5561/C09- TT3, ngày 15/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Kết luận: Các dấu vết nghi máu thu giữ trên nền nhà, sân nhà bà Bùi Thị H1 là máu của Nguyễn Thành V, Bùi Thị H1, Bùi Xuân H.

Tại bản kết luận giám định số 1459/KL-KTHS, ngày 16/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên Kết luận: Chữ ký, chữ viết trong quyển vở bìa màu xanh là do Bùi Xuân H viết ra; Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định do Bùi Xuân H viết ra.

Tại cơ quan điều tra Bùi Xuân H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại (anh V); người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm tử thi, các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 17/CT- VKS - P2 ngày 30/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Bùi Xuân H về tội “Giết người” theo điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Trong phần trình bày lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án; đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố về tội danh đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Bùi Xuân H phạm tội “ Giết người”; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b, g, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo mức án tù chung thân; Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông C số tiền cứu chữa cho ông T1 và tiền mai táng phí của ông T1 và bà H1 là 217.321.000đ Bồi thường cho anh V tiền cứu chữa và tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương ứng với 30 tháng lương tối thiểu; Bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho chị H3 và chị T2 đối với ông T1 là 100 tháng lương tối thiểu và đối với bà H1 là 90 tháng lương tối thiểu; Tịch thu sung quỹ của bị cáo 1 chiếc xe đạp; Trả cho bị cáo 01 máy tính và 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; Trả cho anh V 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE; Tịch thu tiêu hủy vật chứng không còn giá trị sử dụng theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Luật sư Phan Đức H2 bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án, căn cứ nhân thân người phạm tội; áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, g, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất theo quy định. Về phần bồi thường đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị xử lý hình sự đối với anh V theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Luật sư Đào Trung K bào chữa cho bị cáo cơ bản nhất trí với lời bào chữa của luật sư đồng nghiệp. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm đến nguyên nhân của vụ án, xem xét toàn diện vụ án; Bị cáo là người có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, g, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo mức án theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về phần bồi thường đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư Lê Quang N bào chữa cho bị cáo cơ bản nhất trí với lời bào chữa và kiến nghị của luật sư đồng nghiệp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án; Bị cáo là người có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; đề nghị bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, e, g, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn. Về phần bồi thường đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì, nhất trí với lời bào chữa của 3 vị luật sư;

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ân hận về hành vi của mình và xin mức án cao nhất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Phương H3 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu thêm tình tiết tăng nặng định khung là phạm tội có tính chất côn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 123 và thêm tình tiết tăng nặng là cố tình thực hiện tội phạm đến cùng theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án theo quy định của pháp luật. Về phần dân sự: Do bà T không nhận tiền bồi thường nên buộc bị cáo bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho chị H3 và chị T2, phần của mỗi người tương ứng với 100 tháng lương tối thiểu là 149.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng và các tài liệu chứng cứ được thu thập của Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Thái Nguyên, của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; các tài liệu chứng cứ của người bào chữa, của bị can, bị cáo cung cấp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận tội của Bùi Xuân H tại phiên tòa hôm nay phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lời khai của người bị hại; người làm chứng, bản kết luận giám định; vật chứng đã thu giữ và hoàn toàn phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận: Xuất phát từ việc chị Nguyễn Thị Phương T2 và anh Nguyễn Thành V là con bà H1 nhiều lần vay tiền của Bùi Xuân H, với

tổng số tiền là khoảng 3.200.000.000đ (Ba tỷ, hai trăm triệu đồng), từ cuối năm 2017 đến đầu tháng 9/2019, Bùi Xuân H đã nhiều lần tìm gặp bà H1, anh V, chị T2 để đòi lại số tiền trên nhưng không đòi được, dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, H có suy nghĩ mình bị lừa đảo chiếm đoạt toàn bộ số tiền đó của H. Vì vậy khoảng 18 giờ ngày 14/9/2019, Bùi Xuân H mang theo 01 (một) chai xăng (loại có dung tích 1,5 lít) để ở giỏ xe đạp; 01 (một) con dao nhọn (dạng dao gấp dài 25cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 13cm, rộng 03cm, lưỡi sắc một bên, nhọn ở phần đầu mũi) để trong túi quần bên phải; 01 (một) khẩu súng quân dụng Carbine số hiệu 3442952 cưa báng (bên trong có một viên đạn đã lên nòng và hai viên đạn chưa lên nòng), 01 (một) con dao (loại dao nhọn, có một lưỡi sắc, dao có chiều dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, bao dao bằng gỗ có kích thước 33,5cm x 07cm), 01 (một) chai xăng (loại có dung tích 0,5lít) đến nhà bà Bùi Thị H1, tại tổ 14 phường CH, thành phố TN để gặp Nguyễn Thành V, Nguyễn Thị Phương T2 đòi tiền. Khi thấy Nguyễn Thành V đang ngồi ăn cơm tại bếp nhà bà H1, H nói với anh V “Bao giờ mày trả tiền tao, mày lừa tao đến bao giờ”, anh V đứng dậy không nói gì, H càng bức xúc nên đã đưa tay phải rút con dao nhọn (dạng dao gấp, đã chuẩn bị trước) từ trong túi quần bên phải đâm liên tiếp 06 (sáu) nhát trúng vào phần ngực, tay và hông của anh V. Thấy vậy, bà H1, ông T1 đứng ở phía sau kéo H giật ngã ngửa ra nền nhà, H tiếp tục dùng dao nhọn đâm liên tiếp 03 nhát trúng vào ngực, nách và mạng sườn của ông T1, 01 nhát trúng vào ngực trái bà H1.

Hậu quả: bà Bùi Thị H1 bị đâm thấu ngực làm rách phổi phải, thủng tâm nhĩ phải gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp dẫn đến chết; ông Nguyễn Văn T1 bị đâm thấu ngực, bụng làm rách thủng cơ hoành, đứt cực trên lách, thủng dạ dày, thủng ruột non, đứt mạch mạc treo ruột gây mất máu cấp, suy tuần hoàn cấp, suy hô hấp cấp không thể hồi phục dẫn đến chết; anh Nguyễn Thành V bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm) Áp dụng theo phương pháp cộng lùi.

Chỉ vì những mâu thuẫn trong việc vay nợ, Bùi Xuân H đã chuẩn bị hung khí và vũ khí gồm súng, dao, chai xăng đến nhà các bị hại để đòi nợ. Tại gia đình các bị hại, bị cáo đã có hành vi sử dụng hung khí là con dao nhọn đâm vào nơi hiểm yếu trên cơ thể 3 nạn nhân gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng làm 2 người chết và 1 người bị thương. Với hành vi như đã nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Bùi Xuân H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

Điều 123. Tội giết người

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) Giết hai người trở lên;

[3] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tính mạng của em gái và em rể bị cáo; xâm phạm đến sức khỏe của cháu rể bị cáo; việc anh V không chết là nằm

ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, cần buộc bị cáo phải chịu mức án phù hợp với hành vi do bị cáo gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã từng tham gia trong quân đội sau đó về tham gia công tác trên nhiều cương vị khác nhau và đã lập được nhiều thành tích xuất sắc trong chiến đấu và công tác được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương và bằng khen; Bố và mẹ đẻ bị cáo cũng được nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong vụ án này, người bị hại là anh V cũng có 1 phần lỗi và vợ chồng anh V đều nhất trí thỏa thuận trừ số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh V và khoản nợ mà bị cáo đã cho vợ chồng anh V vay nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hậu quả bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng làm 2 người chết, việc anh V không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để có đủ thời gian cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt: Qua xem xét, đánh giá nêu trên khi lượng hình cần xử phạt bị cáo hình phạt tù không thời hạn để có đủ thời gian cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung. Do bản án số 158/2020/HS – ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 12 tháng tù về tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử cần tổng hợp với bản án này theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi của bị cáo đã tước đoạt tính mạng của ông Nguyễn Văn T1; bà Bùi Thị H1 và gây tổn hại sức khỏe cho anh V trái pháp luật.

* Gia đình ông Nguyễn Thế C là đại diện theo ủy quyền bảo vệ quyền lợi cho ông Nguyễn Văn T1; bà Bùi Thị H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền viện phí, mai tang phí đối với ông Nguyễn Văn T1, bà Bùi Thị H1 là 217.321.000đ (*Hai trăm mười bảy triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng*) và đề nghị bị cáo Bùi Xuân H bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Thành V đã kê khai số tiền viện phí là 37.704.026đ (*Ba mươi bảy triệu, bảy trăm linh bốn nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng*) và đề nghị giải quyết mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Do các bên không thỏa thuận được nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh V và đại diện hợp pháp của ông T1 và bà H1 các khoản tiền sau:

1. Chi phí cho việc cứu chữa ông Nguyễn Văn T1:

- Chi phí tại bệnh viện đa khoa Thái Nguyên: 22.118.000đ.
- Chi phí tại bệnh viện BM, Hà Nội: 32.203.000đ
- Thuê xe từ Thái Nguyên đi Hà Nội và ngược lại: 5.000.000đ;

Cộng: 59.321.000đ.

*Chi phí đám tang và an táng ông Nguyễn Văn T1 và bà Bùi Thị H1:

1. Chi phí đám tang và an táng bà Bùi Thị H1:

- Chi phí đám tang: 18.500.000đ;
- Hỏa táng trọn gói: 27.500.000đ;
- Mua đất xây mộ: 16.000.000đ
- Xây + ốp lát mộ: 17.000.000đ
Cộng: 79.000.000đ.

2. Chi phí đám tang và an táng ông Nguyễn Văn T1:

- Chi phí đám tang: 18.500.000đ;
- Hỏa táng trọn gói: 27.500.000đ;
- Mua đất xây mộ: 16.000.000đ
- Xây + ốp lát mộ: 17.000.000đ
Cộng: 79.000.000đ.

Tổng cộng 3 khoản tiền nêu trên là 217.321.000đ. Đối với 3 khoản tiền này theo ông C khai đã vay mượn để chi phí nên ông C đề nghị tòa án tuyên bị cáo phải bồi thường cho ông, (Chị T2 và chị H3 cũng đề nghị ông C được nhận khoản tiền này). Bị cáo cũng nhất trí nên cần tuyên trả cho ông C là có căn cứ.

Đồng thời, bị cáo còn phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 (gồm cụ T; Chị T2 và chị H3) tương ứng với 100 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định là 149.000.000đ; được chia cụ thể như sau: Bà T được 49.667.000đ; Chị T2 và chị H3 mỗi người được bồi thường 49.666.500đ; bị cáo phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 (gồm Chị T2 và chị H3) tương ứng với 100 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định là 149.000.000đ; được chia cụ thể như sau: Chị T2 và chị H3 mỗi người được 74.500.000đ;

*Bị cáo phải bồi thường cho anh V các khoản tiền sau:

- Chi phí điều trị tại bệnh viện Việt Đức, Hà Nội: 15.952.494đ;
- Chi phí điều trị tại bệnh viện đa khoa Thái Nguyên: 3.711.532đ;
- Tiền thuê xe đi cấp cứu từ Thái Nguyên đi Hà Nội: 2.000.000đ;
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: 10 tháng lương = 14.900.000đ;
Cộng: 36.564.026đ.

Trong vụ án này, xác định anh V có một phần lỗi trong việc vay nợ của bị cáo nhưng không chịu trả đúng hạn gây cho gia đình bị cáo lâm vào tình trạng khó khăn nên anh V phải chịu phần lỗi của mình tương ứng với 1/5 số tiền nêu trên là 7.312.805đ. Như vậy, bị cáo phải bồi thường cho anh V số tiền là 36.564.026đ – 7.312.805đ = 29.251.221đ.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại, đại diện của người bị hại nhất trí thỏa thuận với bị cáo trừ các khoản tiền do bị cáo phải bồi thường vào khoản tiền mà vợ chồng anh V đã vay nợ bị cáo.

Đối với số tiền bị cáo phải bồi thường cho chị H3 tổng cộng là 124.166.500đ. Chị H3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường trực tiếp cho chị chứ không nhất trí trừ vào khoản tiền do anh V và chị T2 nợ bị cáo H.

Đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho bà T là 49.667.000đ. Tại

phiên tòa hôm nay, anh H4 là con bà T được bà T ủy quyền không yêu cầu bị cáo bồi thường nên cần ghi nhận sự thỏa thuận nêu trên.

[7] Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Trả cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 xe đạp; 01 chiếc máy tính.
- Trả cho anh V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE;
- Các vật chứng đã thu giữ trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về án phí dân sự sơ thẩm, do bị cáo đã thỏa thuận bù trừ khoản tiền vay nợ với anh V và chị T2 nên không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường đó. Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền bồi thường cho chị H3 và ông C.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt là có căn cứ, tuy nhiên theo như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm g, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với phần dân sự cần xem xét khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần của anh V, và của bà H1 theo quy định.

Xét lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án để áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và quyết định hình phạt theo quy định của pháp luật. Xét lời đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H3 đề nghị áp dụng thêm 1 tình tiết tăng nặng định khung theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự và 1 tình tiết tăng nặng theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với kiến nghị của vị luật sư yêu cầu xem xét xử lý đối với anh Nguyễn Thành V theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Về nội dung này đề nghị luật sư kiến nghị đến cơ quan cảnh sát điều tra để giải quyết theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Tuyên bố: bị cáo Bùi Xuân H phạm tội "Giết người",

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 123; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Xuân H tù chung thân về tội: “giết người”; Tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù về tội: “Tàng trữ, vận chuyển trái phép vũ khí quân dụng” tại bản án số 158/2020/HS – ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên, buộc

bị cáo Bùi Xuân H phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 bản án là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2019.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự; áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590, 591, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Xuân H có trách nhiệm bồi thường cho anh V và đại diện hợp pháp của ông T1 và bà H1 các khoản tiền sau:

2.1. Bồi thường cho ông Nguyễn Thế C (tức Nguyễn Văn C) các khoản tiền gồm: tiền chi phí đám tang và an táng ông Nguyễn Văn T1 và bà Bùi Thị H1; Chi phí cứu chữa ông T1: Tổng cộng 3 khoản tiền nêu trên là 217.321.000đ (Hai trăm mười bảy triệu, ba trăm hai mươi một ngàn đồng).

2.2. Bị cáo còn phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H1 và ông T1 (gồm chị T2 và chị H3) cụ thể:

- Bị cáo phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho chị Nguyễn Thị Phương T2 số tiền 124.166.500đ (một trăm hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

- Bị cáo phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho chị Nguyễn Thị Phương H3 số tiền 124.166.500đ (một trăm hai mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

2.3 Bị cáo phải bồi thường cho anh V số tiền là 29.251.221đ (Hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi một ngàn, hai trăm hai mươi một đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, anh V và chị T2 nhất trí thỏa thuận với bị cáo trừ các khoản tiền do bị cáo phải bồi thường vào khoản tiền mà vợ chồng anh V đã vay nợ bị cáo. Sau này khi trả nợ cho bị cáo đối với các khoản vay nợ, anh V và chị T2 có quyền trừ khoản tiền bồi thường này.

Đối với số tiền bị cáo phải bồi thường cho chị H3, chị H3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường trực tiếp cho chị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Điều 47 Bộ luật hình sự :

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

3.1) 01 (một) hộp bìa giấy niêm phong có chữ ký của điều tra viên Nguyễn Đức Hồng và chữ ký của Nguyễn Minh Thanh; Nguyễn Thanh Yên; Nông Văn Hưng và có đóng dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra. Bên trong hộp niêm phong có 01 (một) bao vạt cầu lông màu xanh có in chữ PROACE, ENGLAND; 01 (một) khăn kẻ caro màu xanh trắng, kích thước khăn 1m20 x 50cm; 01 (một) mũ vải màu xanh; 01 (một) gói lương khô; 01 (một) kim tiêm và xi lanh; 01 (một) lọ thuốc SuLim bên trong chứa chất dung dịch màu trắng; 01 (một) vỏ kính màu đen, bên trong có một kính màu đen.

3.2) 01 (một) túi niêm phong ký hiệu NS1 0033261, có chữ ký, chữ viết

của Nguyễn Đức Hồng và chữ ký của Nguyễn Minh Thanh; Nguyễn Thanh Yên; Nông Văn Hưng và có đóng dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra. Bên trong túi niêm phong có 01 (một) con dao nhọn, một lưỡi sắc, phần lưỡi dao trong bao bằng gỗ, dao có kích thước dài 43cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, rộng 5,5cm, bao dao bằng gỗ có kích thước 33,5cm x 07cm;

3.3) 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS2A, 070459; có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức Hồng và chữ ký của Nguyễn Minh Thanh; Nguyễn Thanh Yên; Nông Văn Hưng và có đóng dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra. Bên trong túi niêm phong có mắt kính và gọng kính.

3.4) 01 (một) túi niêm phong ký hiệu NS4, 022127, có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức Hồng và chữ ký của Nguyễn Minh Thanh; Nguyễn Thanh Yên; Nông Văn Hưng và có đóng dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra. Bên trong túi niêm phong có 01 (một) khẩu trang màu đen.

3.5) 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký, chữ viết của Trần Nguyên Ngọc, Nguyễn Văn Ngọc; Nguyễn Thanh Yên; Nguyễn Đức Hồng, Đào Sỹ Tình; Bùi Xuân H và có đóng dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra. Bên trong có 01 (một) bật lửa gas màu đỏ, nhãn hiệu “Thống Nhất”.

3.6) 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký niêm phong của Nguyễn Thị Phương T2, Nguyễn Thanh Yên; Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Thị Thanh Hà, Trần Việt Hưng và hình dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra (ký hiệu C2.2). Bên trong bì thư niêm phong có 01 (một) thẻ nhớ.

3.7) 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký niêm phong của Nguyễn Thị Phương T2, Nguyễn Thanh Yên; Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Thị Thanh Hà, Trần V1 Hưng và hình dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra (ký hiệu C1.1). Bên trong bì thư niêm phong có 01 (một) thẻ nhớ.

3.8) 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký niêm phong của Nguyễn Đức Hồng, Vũ Thị Hương, Đào Sỹ Tình, Nguyễn Thị Giang N và 03 (ba) hình dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra. Bên trong bì thư niêm phong có 01 (một) thẻ nhớ 4 GB tại máy tính của Bùi Xuân H.

3.9) 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký niêm phong của Trần Nguyên Ngọc, Đặng Quang Dũng và 03 (ba) hình dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra (ký hiệu B4). Bên trong bì thư niêm phong có mẫu tóc của Nguyễn Văn T1.

3.10) 01 (một) hộp niêm phong có chữ ký niêm phong của Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Thanh Thủy và hình dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Bên trong có mẫu vật hoàn trả sau giám định 01 (một) Mũ cối màu xanh có bắm dấu vết nghi máu thu giữ trên nền sân tại vị trí 07 ở hiện trường (mẫu ký hiệu M7); 01 (một) Quần vải màu xám có in chữ “Tân Á 422 ĐƯỜNG CMT8 TP THÁI NGUYÊN ĐT 0280852195” và 01 (một) áo sơ my tay ngắn, màu xám trên áo có mác ghi “TCHC CỤC QUÂN NHU C.TY 20-5” (mẫu ký hiệu M13) và 01 (một) Quần sóc bằng vải thô màu trắng và 01 (một) áo phông cộc tay không cổ màu đen (mẫu ký hiệu M14).

3.11) 01 (một) hộp niêm phong có chữ ký niêm phong của Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Thanh Thủy và hình dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Bên trong có mẫu vật hoàn lại sau giám định, gồm: 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên nền sân tại vị trí 01 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M1); 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên nền sân tại vị trí 02 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M2); 01 (một) dấu vết máu thu giữ cửa ra vào tại vị trí 03 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M3); 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên nền nhà tại vị trí 04 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M4); 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên nền nhà tại vị trí 05 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M5); 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên đệm lót ghế tại vị trí 06 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M6); 01 (một) Con dao nhọn dạng dao gấp có bấm dính dấu vết máu thu giữ tại vị trí 07 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M8); 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên nền nhà tại vị trí 07 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M9); 01 (một) dấu vết máu thu giữ trên nền nhà tại vị trí 08 ở hiện trường (Mẫu ký hiệu M10); 01 (một) Dấu vết máu thu giữ trên bờ tường rào nhà chị Y ở gần hiện trường (Mẫu ký hiệu M11); 01 (một) Đôi giày vải màu tím, trắng, đỏ, trên giày có chữ “FASHION NESHoes” để giày in cỡ số 42, trên giày có bấm dính vết máu (Mẫu ký hiệu M12); 01 (một) Áo vải màu xanh tím than, nhãn hiệu Anadi hone, loại áo khoét nách, không có ống tay, trên viền cổ áo hai bên có may thêm hai dây vải hoa, áo bị rách từ phần giữa cổ xuống đến gấu áo, trên áo có bấm dính dấu vết máu. Áo được thu giữ trên người tử thi Bùi Thị H1 (Mẫu ký hiệu T1) và 01 (một) Áo con (loại áo ngực của phụ nữ) màu nâu, con đã bị cắt thành nhiều mảnh do quá trình cấp cứu và khám nghiệm tử thi. Trên áo có bấm dính dấu vết máu. Áo được thu giữ trên người tử thi Bùi Thị H1 (Mẫu ký hiệu T2); Mẫu máu của tử thi Bùi Thị H1 (Mẫu ký hiệu T3); Mẫu máu của tử thi Nguyễn Văn T1 (Mẫu ký hiệu B1); Mẫu tóc của Bùi Xuân H (Mẫu ký hiệu E); Mẫu tóc của Nguyễn Thành V (Mẫu ký hiệu B2).

3.12) 01 (một) túi ni lông màu trắng kẹp chì số 0004404, bên trong có 02 chai xăng trong đó có 01 (một) chai nhựa dung tích 0,5 lít và 01 (một) túi ni lông bên trong có một chai nhựa có dung tích 1,5 lít được niêm phong vào 01 (một) thùng giấy dán kín, có chữ ký niêm phong của Nguyễn Thị Thu Hương, Đào Sỹ Tình và có 02 (hai) hình dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

3.13) Trả cho Nguyễn Thành V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu H trắng đựng trong bì 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký niêm phong của Nguyễn Minh Thanh; Bùi Trung K1, Nguyễn Thành V, Nguyễn Thị Phương T2, Nguyễn Thanh Yên; Nguyễn Đức T3, Nguyễn Đức Hồng, Đào Sỹ Tình, Nguyễn Thị Thanh Hà và Nông Văn Hưng và hình dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra (ký hiệu IP).

3.14) Trả cho bị cáo Bùi Xuân H gồm:

- 01 (một) xe đạp màu trắng trên khung xe có dán chữ ASAMA có rõ xe ở phía trước.

- 01 (một) chiếc máy tính màu đen - xám, nhãn hiệu DELL, Intel Core i5, máy cũ, đã qua sử dụng. Được niêm phong vào hộp cát tông có chữ ký của ĐTV Nguyễn Đức Hồng; Bùi Sỹ Tình; Vũ Thị Hường; Nguyễn Thị Giang L.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu trắng viền màu vàng đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong in chữ Công an tỉnh Thái Nguyên có chữ ký niêm phong của Đào Trung K, Ngô Minh Đức, Tô Ngọc Kiên, Dương Văn Điệp, Nguyễn Thanh Yên; Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Đức Hồng, Nguyễn Thị Thanh Hà và hình dấu tròn đỏ của cơ quan điều tra (ký hiệu OPPO 2).

(Các vật chứng trên hiện đang ở kho của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng số 34 ngày 30/3/2020).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Xuân H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước; bị cáo phải chịu 17.074.375 đ án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước

Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh TN;
- Bị cáo H (qua Trại giam);
- Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án và Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khánh Hồng